



CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG VN)

[Việt Nam / Bán lẻ]

Bloomberg Ticker (MWG VN) | Reuters Ticker (MWG.HM)

MUA

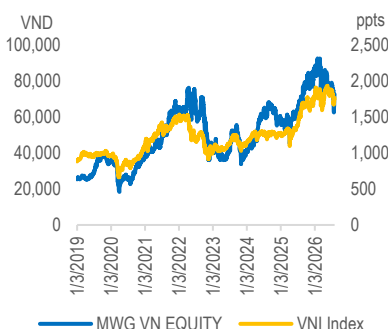
Báo Cáo Cập Nhật

Giá mục tiêu (12 tháng) **107,300 VND**Giá hiện tại (04/08/2026) **72,500 VND**Suất sinh lời (%) **48%**

VNINDEX	1,777
HNINDEX	286
Vốn hóa (tỷ VND)	102,845
SLCP đang lưu hành (triệu)	1,475
SLCP tự do giao dịch (triệu)	1,267
Tỷ lệ tự do giao dịch (%)	82.7
52 tuần cao/thấp (VND)	94,400/62,500
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	52
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	375
Beta (12T)	1.1

Công ty TNHH MTV Tư Vấn
Cổ đông lớn (%) đầu tư Thế giới Bán lẻ 10.49

Biến động giá	3T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	-15.9	-22.2	6.6
Tỷ đối với VN-Index (%)	-10.9	-20.6	-8.7



Nguồn: Bloomberg

Nguyễn Phương Thảo – Chuyên viên phân tích

(84-28) 6299-8004

thao.np@shinhan.com



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

Liên tục xác lập mức lợi nhuận kỷ lục

Cập nhật khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 107,300 đồng

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HSX: MWG) là doanh nghiệp bán lẻ đầu ngành ở Việt Nam, có hệ sinh thái đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. MWG duy trì vị thế là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy số 1 Việt Nam (chiếm hơn 50% toàn thị trường); là nhà bán lẻ hàng tiêu dùng, có chuỗi cửa hàng bách hóa đạt doanh số lớn nhất toàn quốc.

Trong 1H/2026, MWG ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với doanh thu thuần đạt hơn 95 nghìn tỷ đồng (+29% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 6.1 nghìn tỷ đồng (+90% YoY), chủ yếu nhờ đà tăng trưởng mạnh của chuỗi Điện Máy Xanh và Bách Hóa Xanh. Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tiếp tục được củng cố bởi sự phục hồi của sức mua và hiệu quả vận hành cải thiện. Dựa trên phương pháp FCFF và PS, chúng tôi cập nhật giá mục tiêu hiện tại ở mức 107,300 đồng, khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG.

Điện máy xanh (bao gồm chuỗi bán lẻ Thế giới di động, Điện Máy Xanh, TopZone, thợ Điện máy xanh, Erablue) – Tăng trưởng kỷ lục

Doanh thu 1H2026 đạt 65.1 nghìn tỷ đồng (+31% YoY), trong khi LNST đạt 4.8 nghìn tỷ đồng (+73% YoY), đạt 66% chỉ tiêu lợi nhuận cho cả năm. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu của hàng hiện hữu (SSSG) của cả ba chuỗi đều ghi nhận tăng trưởng hai chữ số, phản ánh hiệu quả khai thác hệ thống tiếp tục được cải thiện.

Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành hàng máy lạnh với doanh thu tăng 60% nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi. Chuỗi TopZone ghi nhận mức tăng trưởng 36% nhờ doanh số sản phẩm Apple tăng khoảng 50%, trong khi Điện Máy Xanh và Thế Giới Di Động lần lượt tăng 32% và 28% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, các chương trình tài chính tiêu dùng tiếp tục hỗ trợ nhu cầu mua sắm. Doanh thu từ hình thức trả góp tăng 49%, đóng góp 38% tổng doanh thu toàn hệ thống và hiện đã được áp dụng cho khoảng 96% danh mục sản phẩm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh số.

Bách Hóa Xanh – Tiếp tục mở rộng quy mô, đồng thời cải thiện mạnh chất lượng lợi nhuận.

BHX ghi nhận doanh thu 1H/2026 đạt 28.3 nghìn tỷ đồng (+25% YoY), lợi nhuận lãi kỷ lục 906 tỷ đồng (+340% YoY), phản ánh đà tăng trưởng mạnh của chuỗi bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng. Đáng chú ý, toàn bộ 632 cửa hàng mở mới trong kỳ đều đã đạt lợi nhuận hoạt động dương ở cấp độ cửa hàng, kể cả sau khi phân bổ chi phí kho vận, cho thấy mô hình mở rộng của BHX đang ngày càng hiệu quả và thời gian hoàn vốn được rút ngắn đáng kể.

Những kết quả ban đầu tại thị trường miền Bắc khá tích cực, tạo tiền đề để BHX tiếp tục mở rộng hiện diện tại khu vực này trong thời gian tới. Chúng tôi đánh giá đây là thị trường có tiềm năng tăng trưởng lớn khi ngành bán lẻ thực phẩm hiện đại vẫn còn phân mảnh và tỷ lệ thâm nhập của các chuỗi bán lẻ hiện đại còn thấp. Mặc dù vậy, trong giai đoạn đầu mở rộng, doanh nghiệp vẫn có thể chịu áp lực từ chi phí đầu tư cho mạng lưới cửa hàng, logistics và xây dựng thương hiệu. Do đó, tốc độ mở rộng, hiệu quả vận hành của các cửa hàng mới và khả năng duy trì biên lợi nhuận sẽ là những yếu tố cần theo dõi trong các quý tới.

Rủi ro: (1) Rủi ro cạnh tranh; (2) Rủi ro lực cầu tiêu dùng yếu; (3) Rủi ro đa dạng hóa các mảng kinh doanh; (4) Rủi ro giảm giá hàng tồn kho.

Năm	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu (tỷ VND)	133,405	118,280	134,341	156,458	189,353
LN từ HĐKD (tỷ VND)	6,575	1,047	5,227	8,667	11,849
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	4,102	168	3,733	7,076	9,455
EPS (VND)	2,810	115	2,546	4,788	6,398
BPS (VND)	16,321	15,944	19,921	22,184	28,617
OPM (%)	4.9	0.9	3.9	5.5	6.3
NPM (%)	3.1	0.1	2.8	4.5	5.0
ROE (%)	18.5	0.7	14.5	21.3	22.1
PER (x)	29.8	729.2	33.1	19.3	16.4
PBR (x)	5.1	5.2	4.4	4.2	3.7
EV/EBITDA (x)	10.6	28.6	20.7	15.7	9.3

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision. Analysts employed by Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd., or a non-US affiliate thereof, are not registered/qualified as research analysts with FINRA, may not be associated persons of the member and may not be subject to FINRA restrictions on communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account. For analyst certification and important disclosures, refer to the Compliance & Disclosure Notice at the end of this report.

Định giá và khuyến nghị

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 107,300 đồng

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá FCFF và PS, với tỷ trọng lần lượt là 40% và 60% để định giá mã cổ phiếu MWG. Chúng tôi cập nhật và đưa ra khuyến nghị **MUA** với giá mục tiêu đạt 107,300 đồng.

Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC)

WACC (%)	12.0
Lãi suất phi rủi ro (%)	4.5
Phần bù rủi ro vốn cổ phần (%)	8.46
Beta	1.1
Chi phí nợ (%)	5.5
Chi phí sử dụng vốn (%)	13.8
Tỷ lệ nợ trên vốn	0.32
Giá trị nợ vay (tỷ VND)	29,100

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Mô hình định giá FCFF

Đơn vị: tỷ VND	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
NPAT-Mi	9,335	10,728	12,040	13,486	14,624
Cộng: Lãi vay sau thuế	1,278	1,359	1,471	1,623	1,802
Cộng: Các chi phí không bằng tiền	1,570	1,653	1,740	1,629	1,706
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	3,202	2,161	2,544	2,496	3,403
Trừ: Vốn đầu tư	942	992	1,044	978	1,024
Dòng tiền tự do (FCFF)	8,039	10,587	11,663	13,265	13,705
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	40,160				
Tốc độ tăng trưởng dài hạn	2.0%				
Giá trị hiện tại của giá trị dài hạn	78,126				
Giá trị doanh nghiệp	118,286				
Trừ: Nợ vay	29,089				
Cộng: Số dư tiền	63,658				
Giá trị vốn chủ sở hữu	152,855				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tỷ cp)	1.475				
Giá mục tiêu (VND/cổ phiếu)	103,600				

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Đối với phương pháp PS, chúng tôi thu thập dữ liệu từ các doanh nghiệp cùng ngành nghề và có quy mô tương đồng với MWG, hoạt động trong nước và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Phương pháp PS: PS forward ở mức 0.9x, thể hiện sự tích cực cho triển vọng của mảng bách hóa xanh trong thời gian sắp tới. Dự phóng doanh thu trên mỗi cổ phiếu ở mức 128,375 đồng/cp - tương ứng giá mục tiêu 12 tháng MWG ở mức 115,538 đồng.

Tóm tắt mô hình định giá PS

Phương pháp	Tỷ suất hiện tại của MWG	Tỷ suất trung bình 2 năm quá khứ của MWG	Trung bình các DN trong ngành	Tỷ suất dự phóng áp dụng	Giá mục tiêu (đồng)
PS	0.6x	0.7x	0.55x	0.9x	115,538

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

So sánh các doanh nghiệp trong ngành

Ngành	Tên công ty	Quốc gia	PS	Vốn hóa (triệu USD)	Tăng trưởng doanh thu TTM (%)	Tăng trưởng EPS TTM (%)	ROA TTM (%)	ROE TTM (%)
Bán lẻ ICT, thời trang, bách hóa	Mobile World	Việt Nam	0.6	4.0	29.0	100.1	10.6	30.1
	Mitra Adiperkasa	Indonesia	0.7	1.7	15.4	27.4	7.4	17.7
Bán lẻ ICT	Com7 PCL	Thái Lan	0.8	2.1	12.5	29.4	14.8	39.4
	FPT Digital Retail	Việt Nam	0.5	0.8	37.1	62.5	4.9	29.6
Phân phối ICT	Digiworld	Việt Nam	0.3	0.3	26.9	18.8	8.0	24.5
Bán lẻ bách hóa	Sumber Alfaria Trijaya	Indonesia	0.4	3.0	5.4	22.0	8.6	20.5
	President Chain Store Corp.	Taiwan	0.6	7.0	5.5	13.3	3.9	30.2
Trung bình			0.55x					

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tổng quan doanh nghiệp

1. Lịch sử hình thành và phát triển

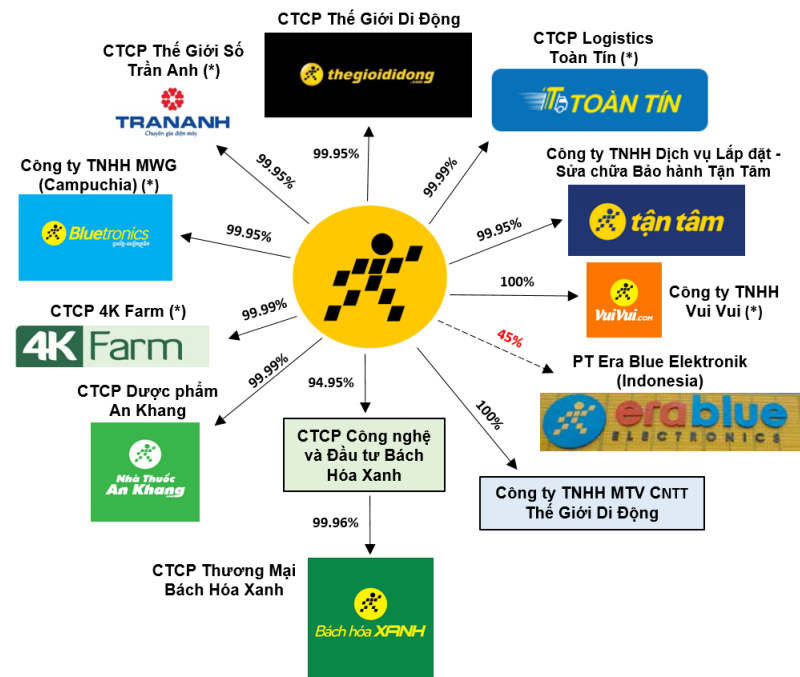
CTCP Đầu tư Thế giới Di Động (HSX: MWG) được thành lập từ năm 2004, có trụ sở chính ở TP. Hồ Chí Minh và chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào năm 2014. Từ mô hình thương mại điện tử sơ khai với một website giới thiệu thông tin sản phẩm, đến nay MWG đã trở thành một trong những công ty bán lẻ B2C đầu ngành ở Việt Nam, có hệ sinh thái bán lẻ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng.

Với chiến lược bán lẻ Omni-channel, MWG tận dụng thế mạnh về công nghệ, đơn giản hóa trải nghiệm mua sắm online và tăng sự gắn bó của khách hàng với các thương hiệu của tập đoàn. Về doanh thu và tổng tài sản, năm 2024, Mobile World xếp vị trí dẫn đầu trong các công ty bán lẻ, thứ 3 trong top 10 DN tư nhân lớn nhất, và thứ 9 trong top 10 DN lớn nhất Việt Nam.

2. Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 01/01/2025, MWG có 5 công ty con ở Việt Nam và 1 công ty liên doanh liên kết tại Indonesia (EraBlue).

Hệ sinh thái MWG



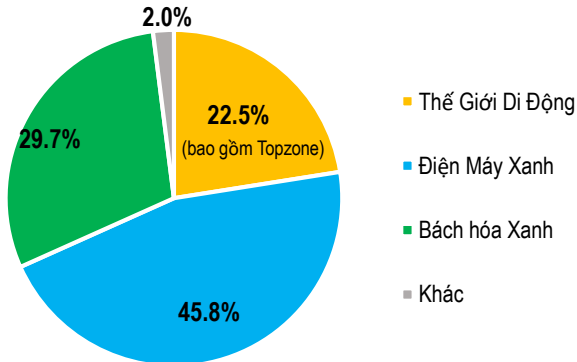
(*) Ngưng hoạt động. Công ty đang trong quá trình làm thủ tục giải thể

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

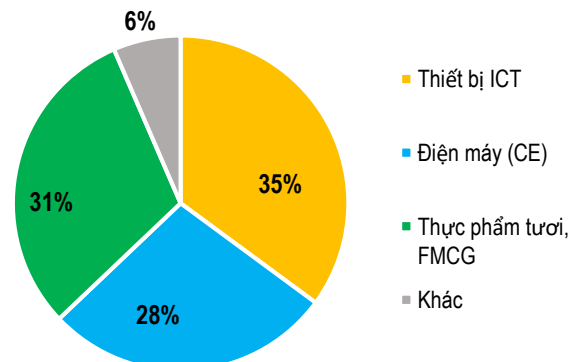
Tính đến 1H/2026, MWG đang sở hữu tổng cộng cửa hàng bán lẻ trong và ngoài nước, bao gồm: 1,008 cửa hàng Thế Giới Di Động (bao gồm Topzone); 2,005 cửa hàng Điện Máy Xanh; 3,191 cửa hàng Bách Hóa Xanh; 415 nhà thuốc An Khang; 95 cửa hàng AVAKids; 181 cửa hàng EraBlue.

3. Cơ cấu doanh thu

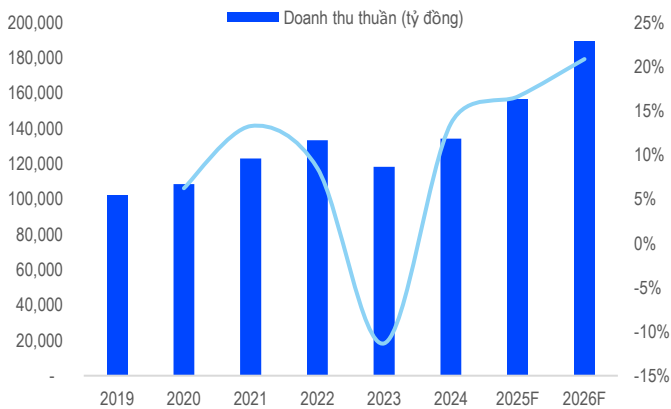
Các chuỗi bán lẻ đóng góp chính vào doanh thu của MWG: Thế Giới Di Động (TGDD) và Điện máy Xanh (DMX), Bách Hóa Xanh (BHX).

Cơ cấu doanh thu 2025 của MWG theo chuỗi

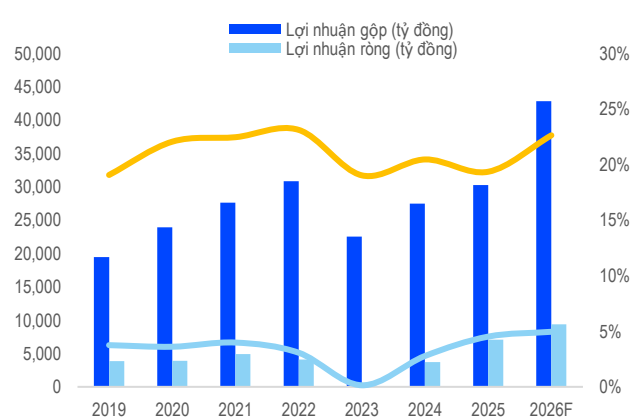
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Cơ cấu doanh thu 2025 của MWG theo ngành hàng

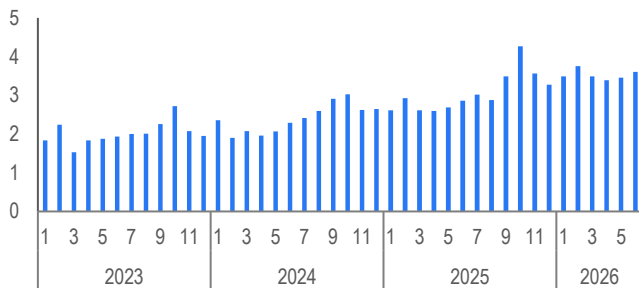
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu thuần hợp nhất của MWG (tỷ đồng)

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Lợi nhuận gộp và ròng của MWG (tỷ đồng)

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu bình quân mỗi tháng mỗi cửa hàng ICT (tỷ đồng)

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

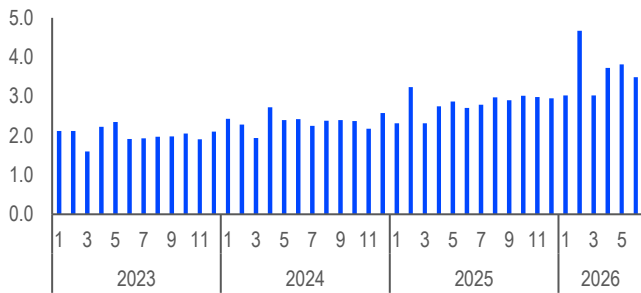
(*) bao gồm chuỗi TGDD, Topzone

Cập nhật số lượng cửa hàng ICT* theo quý

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

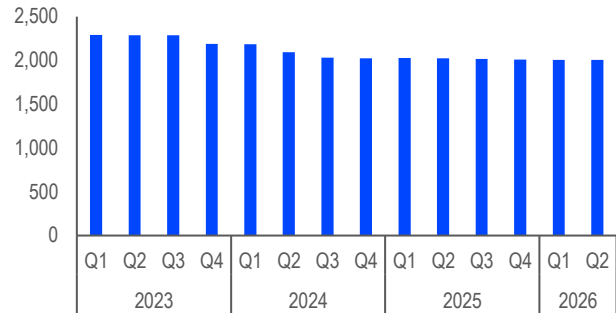
(*) bao gồm chuỗi TGDD, Topzone

Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng ĐMX/tháng (tỷ đồng)



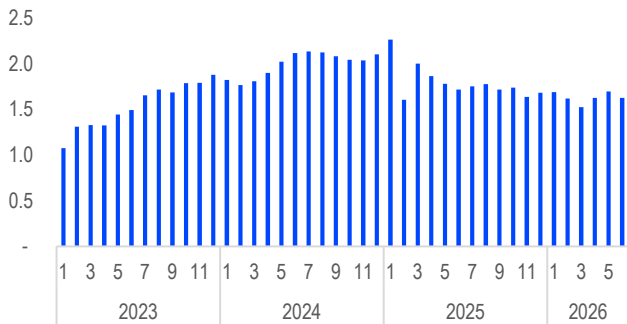
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Cập nhật số lượng cửa hàng ĐMX theo quý



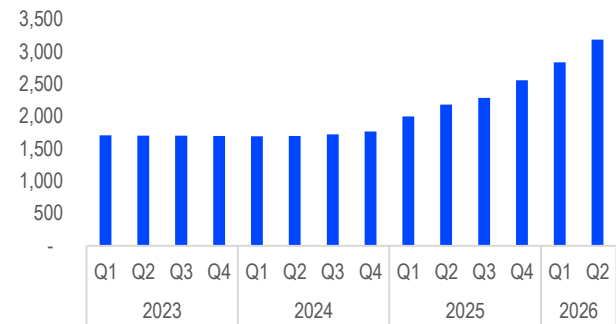
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Doanh thu bình quân mỗi tháng của mỗi cửa hàng BHX (tỷ đồng)



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Số lượng cửa hàng BHX theo quý

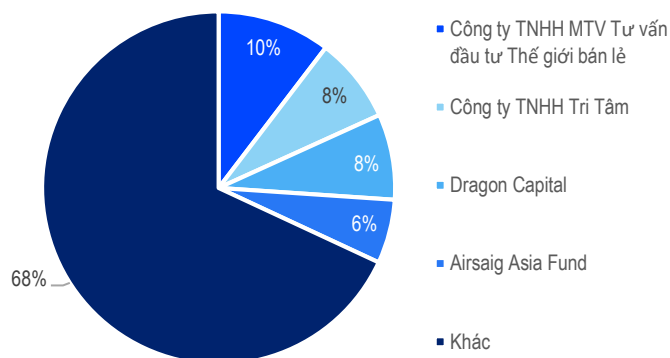


Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

4. Cơ cấu cổ đông

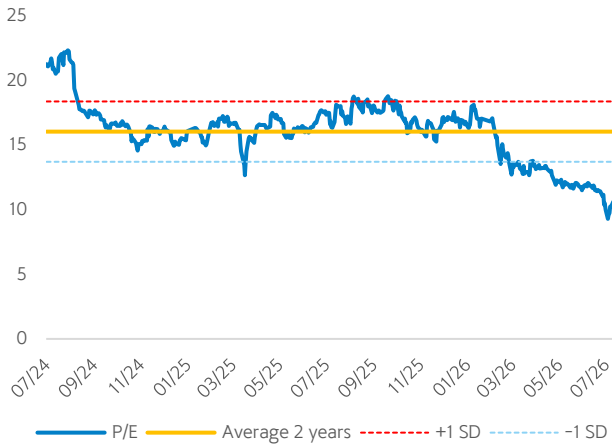
Cơ cấu cổ đông hiện tại của MWG thay đổi nhiều so với giai đoạn trước, khi cổ đông nội bộ và các quỹ lớn đã giảm sở hữu đáng kể. Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới Bán Lẻ - công ty do ông Nguyễn Đức Tài (chủ tịch HĐQT) sở hữu vẫn là cổ đông lớn nhất với tỷ lệ nắm giữ 10.5%.

Cơ cấu cổ đông của MWG (tại ngày 05/08/2026)



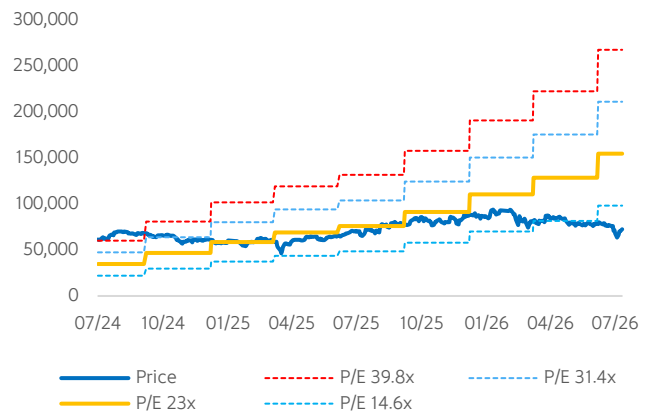
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

PER của MWG



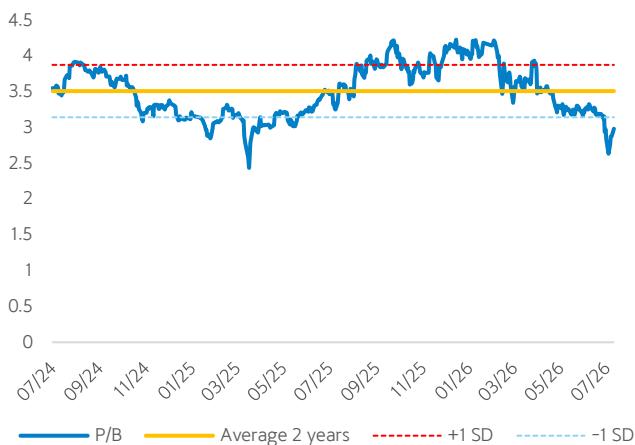
Nguồn: FinnPro, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PER của MWG



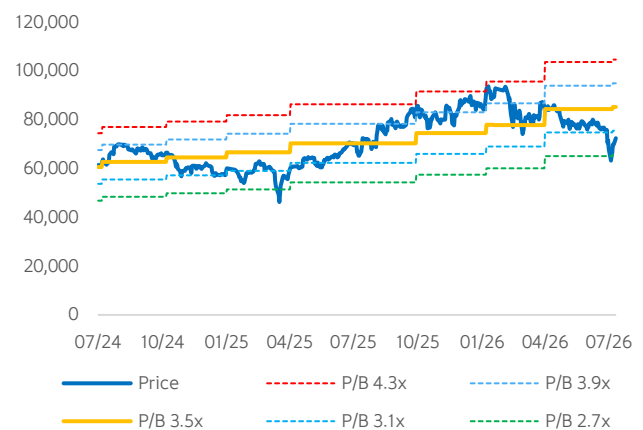
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

PBR của MWG



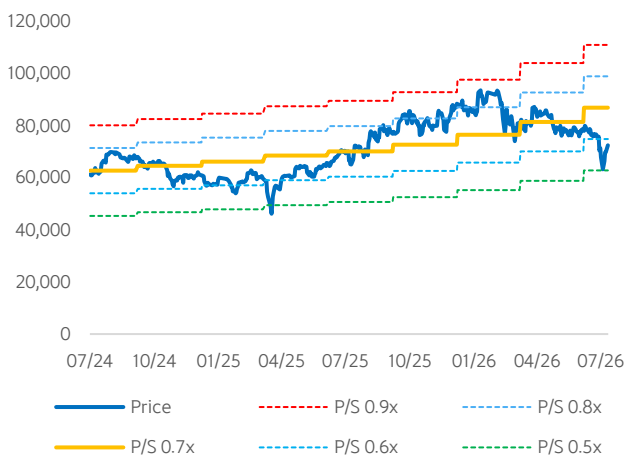
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PBR của MWG



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PSR của MWG



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tương quan giá cổ phiếu và ROE



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Sự kiện quan trọng của MWG



Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Phụ lục: Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Năm (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tổng tài sản	60,111	70,219	83,959	99,083	114,189
Tài sản ngắn hạn	51,950	65,774	77,215	87,478	96,060
Tiền và tương đương tiền	5,366	5,697	5,000	6,738	8,714
Đầu tư TC ngắn hạn	18,937	28,524	33,874	35,874	37,874
Các khoản phải thu	5,159	8,764	10,153	12,288	13,663
Hàng tồn kho	21,824	22,245	27,267	31,658	34,888
Tài sản dài hạn	8,161	4,445	6,744	6,407	5,636
Tài sản cố định	6,500	3,587	2,598	2,261	1,491
Chi phí xây dựng cơ bản	4	25	91	91	91
Tài sản dài hạn khác	1,656	833	4,055	4,055	4,055
Tổng nợ	36,752	42,097	50,780	56,398	60,517
Nợ ngắn hạn	30,765	42,097	42,097	50,780	56,398
Khoản phải trả	7,927	9,138	13,124	15,237	16,792
Vay và nợ thuê tài chính ngắn	19,129	27,300	29,931	32,226	33,900
Khác	3,710	5,659	7,725	8,935	9,825
Nợ dài hạn	5,986	0	0	0	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5,985	0	0	0	0
Khác	1	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	33,179	42,686	53,673
Vốn góp chủ sở hữu	14,634	14,622	14,697	14,697	14,697
Thặng dư vốn	558	558	-153	-153	-153
Vốn khác	-6	-5	-12	-12	-12
Lợi nhuận giữ lại	8,160	12,582	18,072	27,526	38,454
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	13	364	576	627	688
*Nợ vay	25,114	27,300	29,931	32,226	33,900
*Nợ ròng (tiền)	811	-6,922	-8,943	-10,387	-12,689

Lưu chuyển tiền tệ

Năm (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Tiền từ HĐKD	3,436	8,517	6,097	7,571	9,659
Lợi nhuận trước thuế	168	3,722	7,037	9,403	10,867
Khấu hao	3,351	2,913	1,891	1,570	1,653
(Lãi)/ổ từ HD đầu tư					
Thay đổi vốn lưu động	1,835	3,224	-300	-3,202	-2,161
Thay đổi khác	-1,918	-1,342	-2,530	-200	-700
Tiền từ HD đầu tư	-10,831	-10,943	-6,662	-7,444	-8,683
Thay đổi tài sản cố định	-492	-249	-869	-942	-992
Thay đổi tài sản đầu tư	-10,339	-10,694	-5,793	-6,502	-7,691
Khác	0	0	0	0	0
Tiền từ HD tài chính	7,700	2,757	667	1,612	999
Thay đổi vốn cổ phần	-9	1,762	-532	52	60
Tiền đi vay/(trả) nợ ròng	8,440	1,726	2,678	2,295	1,674
Cổ tức đã trả	-731	-731	-1,478	-735	-735
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	304	332	103	1,738	1,976
Tổng tiền đầu năm	5,061	5,366	5,697	5,000	6,738
Thay đổi trong kỳ giá					
Tổng tiền cuối năm	5,366	5,697	5,000	6,738	8,714

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	118,280	134,341	156,458	189,353	210,552
Tăng trưởng		13.6%	16.5%	21.0%	11.2%
Giá vốn hàng bán	95,759	106,842	126,164	146,480	161,427
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	30,294	42,873	49,126
Biên lợi nhuận gộp	19.0%	20.5%	19.4%	22.6%	23.3%
Chi phí BH & QLDN	22,084	23,416	23,215	32,723	37,351
LN từ HĐKD	1,047	5,227	8,667	11,849	13,690
Tăng trưởng		399.2%	65.8%	36.7%	15.5%
Biên LN từ HĐKD	0.9%	3.9%	5.5%	6.3%	6.5%
LN khác	611	1,188	1,565	1,672	1,886
Thu nhập tài chính	2,167	2,377	3,107	3,341	3,657
Chi phí tài chính	1,556	1,188	1,543	1,669	1,771
Trong đó: Chi phí lãi vay	1,448	1,137	1,471	1,597	1,699
Lợi nhuận ròng từ HĐKD khác	-357	-401	-31	-31	-31
LNTT	690	4,826	8,636	11,818	13,659
Thuế TNDN	522	1,092	1,561	2,364	2,732
LNST	168	3,733	7,076	9,455	10,927
Tăng trưởng		2124.5%	89.5%	33.6%	15.6%
Biên lợi nhuận ròng	0.1%	2.8%	4.5%	5.0%	5.2%
LNST cổ đông công ty mẹ	168	168	3,722	7,037	9,403
Lợi ích CĐTĐ	0	11	39	52	60
LN trước thuế và lãi vay	436	4,084	7,078	10,151	11,775
Tăng trưởng		836.1%	73.3%	43.4%	16.0%
Biên LN	0.4%	3.0%	4.5%	5.4%	5.6%
LN trước thuế, lãi vay và khấu hao	3,788	5,626	8,586	11,721	13,428
Tăng trưởng		48.5%	52.8%	36.4%	14.6%
Biên LN	3.2%	4.2%	5.5%	6.2%	6.4%

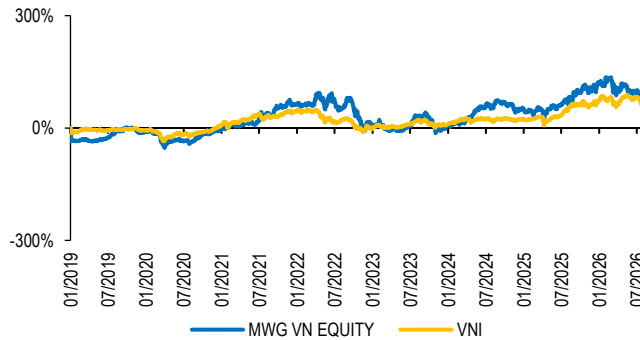
Các chỉ số chính

Năm	2023	2024	2025	2026F	2027F
EPS (đồng)	115	2,546	4,788	6,398	7,394
BVPS (đồng)	15,944	19,216	22,184	28,617	36,052
DPS (đồng)	500	500	1,000	500	500
PER (x)	788.5	35.5	18.9	16.4	14.2
PBR (x)	5.7	4.8	4.1	3.7	2.9
EV/EBITDA (x)	36.0	24.2	15.9	9.3	8.1
Tỷ lệ chi trả cổ tức	436%	20%	21%	8%	7%
Lãi cổ tức	0.9%	0.9%	1.7%	0.9%	0.9%
Khả năng sinh lời					
Biên EBITDA	3.2%	4.2%	5.5%	6.2%	6.4%
Biên LN từ HĐKD	0.9%	3.9%	5.5%	6.3%	6.5%
Biên LNST	0.1%	2.8%	4.5%	5.0%	5.2%
ROA	0.3%	5.3%	8.4%	9.5%	9.6%
ROE	0.7%	13.3%	21.3%	22.1%	20.4%
Khả năng tài chính					
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	107.5%	97.1%	90.2%	75.5%	63.2%
Tỷ số thanh toán tiền mặt	17.4%	13.5%	9.8%	11.9%	14.4%
Khả năng thanh toán lãi vay (x)	0.3	3.6	4.8	6.4	6.9
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày vốn lưu động (ngày)	47	45	43	43	43
Số ngày hàng tồn kho (ngày)	90	75	79	79	79
Số ngày khoản phải thu (ngày)	1	1	1	1	1

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

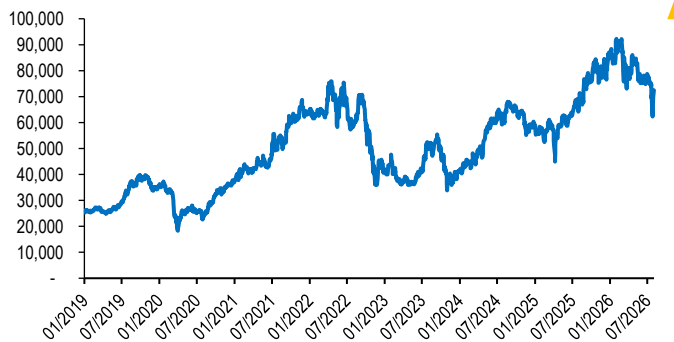
CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG VN)

Diễn biến giá



Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (VND)	Khoảng giá MT (%)	
			TB	Max/ Min
26/04/2023 (BC lần đầu)	MUA	51,900	-4.6	-33.7/39.0
18/08/2023 (BC cập nhật)	GIỮ	50,150	6.2	-31.7/34.3
07/11/2023 (BC cập nhật)	MUA	50,400	13.9	-12.3/43.6
20/02/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	50,150	13.9	-12.8/42.9
22/04/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	50,000	10.0	-13.0/42.5
24/06/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	65,000	33.4	2.4/86.7
11/11/2024 (BC cập nhật)	GIỮ	71,000	28.0	1.4/91.9
27/02/2025 (BC cập nhật)	MUA	70,400	29.3	-2.9/102.2
12/02/2026 (BC cập nhật)	MUA	105,900	44.9	7.6/122.0
07/05/2026 (BC cập nhật)	MUA	107,500	40.6	14.7/81.5
05/08/2026 (BC cập nhật)	MUA	107,300	18.4	13.6/71.6

Giá mục tiêu



Lưu ý: Tính toán chênh lệnh giá mục tiêu dựa trên 12 tháng qua

Shinhan Securities Vietnam

Cổ phiếu

- ♦ **MUA:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ 15% trở lên
- ♦ **GIỮ:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ -15% đến 15%
- ♦ **BÁN:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng thấp hơn -15%

Ngành

- ♦ **TÍCH CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị MUA
- ♦ **TRUNG LẬP:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị GIỮ
- ♦ **TIÊU CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị BÁN

Compliance & Disclosure Notice

Analyst Certification

- ◆ The following analysts hereby certify that their views about the companies and securities discussed in this report are accurately expressed and that they have not received and will not receive direct or indirect compensation in exchange for expressing specific recommendations or views in this report: Thao Nguyen

Important Disclosures & Disclaimers

- ◆ As of the date of publication, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does not beneficially own 1% or more of any class of common equity securities of the following companies mentioned in this report: MWG VN
- ◆ Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or one of its affiliates, and/or their respective officers, directors, or employees may have interests, or long or short positions, and may at any time make purchases or sales as a principal or agent of the securities of the companies mentioned in this report.
- ◆ As of the date of publication, research analysts responsible for this report and members of their households do not have any financial interest in the debt or equity securities of the companies mentioned in this report.
- ◆ Research analysts responsible for this report receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. including profits derived from investment banking. The analysts responsible for this report may also receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of sales and trading businesses relating to the class of securities or financial instruments for which such analysts are responsible.
- ◆ All opinions and estimates regarding the companies and their securities are accurate representations of the research analysts' judgments and may differ from actual results.
- ◆ This report is intended to provide information to assist investment decisions only and should not be used or construed as an offer or a solicitation of an offer to buy or sell any securities. The information herein has been obtained from sources deemed reliable, but such information has not been independently verified and no guarantee, representation, or warranty, expressed or implied, is made as to its accuracy, completeness, or correctness. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. makes the best effort but does not guarantee the accuracy, completeness, or correctness of information and opinions translated into English from original Vietnamese language materials. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. accepts no liability whatsoever for any direct, indirect, and/or consequential loss arising from any use of this material or its contents. Stock selection and final investment decisions should be made at the investor's own and sole discretion.
- ◆ This report is distributed to our customers only, and any unauthorized use, duplication, or redistribution of this report is strictly prohibited.
- ◆ Investing in any Vietnamese securities or related financial instruments discussed in this research report may present certain risks. The securities of Vietnamese issuers may not be registered with, or be subject to the regulations of, the US Securities and Exchange Commission. Information on Vietnamese securities or related financial instruments may be limited. Foreign companies may not be subject to audit and reporting standards and regulatory requirements comparable to those in effect within the US. The value of any investment or income from any securities or related financial instruments discussed in this research report denominated in currencies other than the Vietnamese won is subject to exchange rate fluctuations that may have a positive or adverse effect on the value of or income from such securities or related financial instruments.

Distribution

- ◆ United States: This report is distributed in the US by Shinhan Investment America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major US institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) of the US Securities Exchange Act of 1934. All US persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are major US institutional investors and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any US recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Shinhan Investment America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the US. The securities described herein may not have been registered under the US Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the US or to US persons unless they have been registered or are in compliance with an exemption from registration requirements.
- ◆ All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.



Shinhan Investment Network

SEOUL

Shinhan Investment Corp.
Shinhan Investment Tower
23-2, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

Shanghai

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

Ho Chi Minh

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

Hong Kong

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

Ha Noi

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Indonesia

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599